

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Thực hiện năm 2013		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Kế hoạch năm 2013
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
Quét dọn vệ sinh (1000m ²)	400,178	319,297	345,467	265,662.70	66.4%	83.20%	76.90%
Duy tu công viên mảng xanh (m ²)	4,844,924	5,394,972	5,402,600	6,507,364.92	134.3%	120.62%	120.45%
Thu gom thùng rác công cộng (lượt)	227,832	226,031	236,885	186,558.00	81.9%	82.54%	78.75%
Lau chùi thùng rác công cộng (lượt)	29,925	14,836	15,576	12,257.00	41.0%	82.61%	78.69%
Nạo vét cống (md)	60,387	60,387	60,387	60,387	100.0%	100.00%	100.00%
Nạo vét hầm ga (cái)	4,423	4,303	4,303	4,303	97.3%	100.00%	100.00%
Vận chuyển rác (Tấn km)	1,139,405	1,291,527	1,082,435	1,381,106	121.2%	106.94%	127.59%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
Quét dọn vệ sinh (1000m ²)	400,178	319,297	345,467	265,662.70	66.4%	83.20%	76.90%
Duy tu công viên mảng xanh (m ²)	4,844,924	5,394,972	5,402,600	6,507,364.92	134.3%	120.62%	120.45%
Thu gom thùng rác công cộng (lượt)	227,832	226,031	236,885	186,558	81.9%	82.54%	78.75%
Lau chùi thùng rác công cộng (lượt)	29,925	14,836	15,576	12,257	41.0%	82.61%	78.69%

Nội dung	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Thực hiện năm 2013		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Kế hoạch năm 2013
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
Nạo vét cống (md)	60,387	60,387	60,387	60,387	100.0%	100.00%	100.00%
Nạo vét hầm ga (cái)	8,606	4,303	4,303	4,303	50.0%	100.00%	100.00%
Vận chuyển rác (Tấn km)	1,139,405	1,291,527	1,082,435	1,381,106	121.2%	106.94%	127.59%
3. Tồn kho cuối kỳ	0	0	0	0			
B.Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129,245,187,119	141,812,742,025	142,333,000,000	151,443,985,622	117.2%	106.79%	106.40%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7,638,612,256	7,793,443,373	5,410,000,000	8,281,752,394	108.4%	106.27%	153.08%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121,606,574,863	134,019,298,652	136,923,000,000	143,162,233,228	117.7%	106.82%	104.56%
4. Giá vốn hàng bán	105,224,299,440	115,720,551,842	115,207,012,200	120,460,186,449	114.5%	104.10%	104.56%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,382,275,423	18,298,746,810	21,715,987,800	22,702,046,779	138.6%	124.06%	104.54%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8,389,468,106	4,640,228,220	0	2,670,798,608	31.8%	57.56%	
7. Chi phí tài chính	158,291,083	954,899,200	0	195,510,717	123.5%	20.47%	
8. Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,735,780,703	15,434,159,135	15,625,987,800	17,932,383,116	121.7%	116.19%	114.76%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9,877,671,743	6,549,916,695	6,090,000,000	7,244,951,554	73.3%	110.61%	118.96%
11. Thu nhập khác	245,012,909	268,790,733	0	417,076,437	170.2%	155.17%	
12. Chi phí khác	32,061,139	268,790,733	0	897,000	2.8%	0.33%	
13. Lợi nhuận khác	212,951,770	0	0	416,179,437	195.4%		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,090,623,513	6,549,916,695	6,090,000,000	7,661,130,991	75.9%	116.97%	125.80%
* Lợi nhuận liên doanh không tính thuế	635,000,000	675,000,000	187,000,000	249,550,800	39.3%	36.97%	133.45%

Nội dung	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Thực hiện năm 2013		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Kế hoạch năm 2013
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
* Lợi nhuận còn phải tính thuế	9,455,623,513	5,874,916,695	5,903,000,000	7,411,580,191	78.4%	126.16%	125.56%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,363,905,878	1,468,729,174	1,475,750,000	1,852,885,048	78.4%	126.16%	125.56%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0	0.0%	0.00%	0.00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	7,726,717,635	5,081,187,521	4,614,250,000	5,808,245,943	75.2%	114.31%	125.88%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp